

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2012

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 1700
	Ngày: 13/3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực du lịch.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch là hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

3. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm quy định về kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh ô tô vận chuyển khách du lịch;

- b) Vi phạm quy định về kinh doanh lưu trú du lịch;
- c) Vi phạm quy định về xúc tiến du lịch;
- d) Vi phạm các quy định về hoạt động du lịch khác.

4. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực du lịch, kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch không quy định tại Nghị định này thì được áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài (gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng có thời hạn giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc bổ sung đủ nội thất, tiện nghi, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch;
- b) Buộc thực hiện đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật;
- c) Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch;
- d) Buộc nộp đủ số tiền ký quỹ theo quy định;

- d) Buộc thực hiện đúng chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật;
- e) Buộc gắn biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của pháp luật;
- g) Buộc bổ sung đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất, dịch vụ, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của người quản lý, nhân viên phục vụ tương ứng với tiêu chuẩn từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật;
- h) Buộc gắn biển hạng cơ sở lưu trú du lịch đúng với quyết định xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- i) Buộc dỡ bỏ hủy bỏ ấn phẩm, biển quảng cáo, biển hiệu, đồ dùng, trang thiết bị vi phạm quy định của pháp luật;
- k) Buộc tháo dỡ, tiêu hủy các vật phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch, chấm dứt các chương trình quảng bá đối với một số hành vi vi phạm quy định về hoạt động xúc tiến du lịch;
- l) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường gây ra;
- m) Buộc thi hành quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN DU LỊCH, KINH DOANH Ô TÔ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Điều 4. Vi phạm quy định về thông báo hoạt động kinh doanh lữ hành

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1. Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chính thức hoạt động kinh doanh.
2. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi tên doanh nghiệp, thay đổi địa điểm đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

3. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp thay đổi người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành.

4. Không thông báo bằng văn bản về việc thành lập, thời điểm bắt đầu hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập, chính thức hoạt động.

5. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đứng đầu, thay đổi tên, thay đổi địa điểm của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

6. Không thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Du lịch, trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày mất giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

7. Không thông báo kịp thời với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tai nạn hoặc rủi ro, sự cố có thể xảy ra với khách du lịch.

Điều 5. Vi phạm quy định về kinh doanh lữ hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa không đủ ba năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;

b) Sử dụng người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế không đủ bốn năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;

c) Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa không đủ ba năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;

d) Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế không đủ bốn năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;

đ) Hợp đồng lữ hành thiếu một trong những nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có chương trình du lịch bằng văn bản cho khách du lịch hoặc đại diện nhóm khách du lịch;

b) Không có hợp đồng lữ hành bằng văn bản với khách du lịch hoặc đại diện của khách du lịch theo quy định;

c) Không giải quyết yêu cầu, kiến nghị chính đáng của khách du lịch theo quy định pháp luật;

d) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để thực hiện chương trình du lịch mà không có hợp đồng bằng văn bản với hướng dẫn viên du lịch hoặc hợp đồng không có đầy đủ các nội dung cơ bản theo quy định;

đ) Không hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến chương trình du lịch khi bên nhận đại lý lữ hành yêu cầu;

e) Không thông tin rõ ràng, công khai, trung thực số lượng, giá cả các dịch vụ du lịch cho khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành sử dụng giấy tờ xác nhận về thời gian làm việc không đúng với thực tế để điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng hướng dẫn viên dùng thẻ hết hạn để hướng dẫn cho khách du lịch.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng phương tiện, trang thiết bị không bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đã quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị định này;

b) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho Tổng cục Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định;

c) Sử dụng người không có thẻ hướng dẫn viên để hướng dẫn cho khách du lịch.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có ít nhất ba hướng dẫn viên du lịch quốc tế;

b) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài trong thời gian thực hiện chương trình du lịch theo quy định;

c) Thay đổi chương trình du lịch, tiêu chuẩn, dịch vụ đã ký kết mà không được sự đồng ý của khách du lịch hoặc đại diện khách du lịch.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm đủ số tiền ký quỹ đối với hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế theo quy định;

b) Tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;

c) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch;

d) Không quản lý hoạt động, kinh doanh của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

đ) Không quản lý khách du lịch theo hợp đồng, chương trình du lịch đã ký kết;

e) Kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;

g) Không làm thủ tục đổi giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế theo quy định của pháp luật;

h) Sử dụng tên doanh nghiệp, tên giao dịch, tên viết tắt không đúng với tên đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động kinh doanh.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng người nước ngoài làm hướng dẫn du lịch tại Việt Nam;

b) Hoạt động kinh doanh lữ hành sau khi đã thông báo tạm ngừng, chấm dứt hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh lữ hành.

8. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động kinh doanh lữ hành không đúng nội dung trong giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế để hoạt động, kinh doanh lữ hành;

b) Hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và c khoản 5; các điểm a, d và đ khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 và điểm a khoản 9 Điều này;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và điểm e khoản 6 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ phương tiện, trang thiết bị bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc thực hiện đúng chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

d) Buộc nộp đủ số tiền ký quỹ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

đ) Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về kinh doanh đại lý lữ hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh đại lý lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đại lý lữ hành bắt đầu hoạt động kinh doanh;

b) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi tên, địa chỉ của đại lý lữ hành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

c) Không thông tin rõ ràng, công khai, trung thực số lượng, giá cả các dịch vụ du lịch của bên giao đại lý lữ hành cho khách du lịch;

d) Hoạt động không đúng địa chỉ đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy xoá, sửa chữa, sao chép làm sai lệch nội dung chương trình du lịch của bên giao đại lý lữ hành;

b) Bán chương trình du lịch với giá cao hơn giá của bên giao đại lý lữ hành;

c) Hoạt động đại lý lữ hành mà không có đăng ký kinh doanh đại lý lữ hành;

d) Kinh doanh đại lý lữ hành mà không có hợp đồng đại lý lữ hành bằng văn bản với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hoạt động đại lý lữ hành cho doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế để bán chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế, khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài;

b) Tiếp tục hoạt động kinh doanh đại lý lữ hành khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đại lý lữ hành.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước các khoản thu không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về hướng dẫn du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên có hành vi không đeo thẻ, giấy chứng nhận trong khi hành nghề.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thuyết minh không đúng, không đầy đủ nội dung giới thiệu tại điểm du lịch, khu du lịch;

b) Không mang theo chương trình du lịch, giấy tờ phân công nhiệm vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành trong khi hành nghề hướng dẫn;

c) Không hướng dẫn cho khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, nội quy, quy chế nơi đến tham quan, du lịch và tôn trọng phong tục, tập quán của địa phương;

d) Không cung cấp đầy đủ thông tin về lịch trình, chương trình du lịch cho đại diện nhóm khách du lịch, khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành;

b) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch các biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch trong khi thực hiện chương trình du lịch;

c) Cho người khác sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên để hành nghề;

d) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên của người khác để hành nghề;

đ) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch đã hết hạn;

e) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy xoá, sửa chữa nội dung thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên để hành nghề;

b) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa để hướng dẫn cho khách du lịch là người nước ngoài.

c) Thuyết minh tại khu du lịch, điểm du lịch mà không có giấy chứng nhận thuyết minh viên.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hướng dẫn khách du lịch mà không có thẻ hướng dẫn viên du lịch theo quy định;

b) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả, giấy chứng nhận thuyết minh viên giả để hành nghề;

c) Tùy tiện thay đổi chương trình du lịch, cắt giảm tiêu chuẩn, dịch vụ của khách du lịch;

d) Giới thiệu sai lệch giá trị văn hóa, lịch sử, đất nước, con người Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh, truyền thống, đạo đức, thuần phong mỹ tục dân tộc Việt Nam;

đ) Lợi dụng hoạt động hướng dẫn du lịch để thuyết minh, cung cấp thông tin làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội;

e) Đưa khách du lịch đến khu vực cấm;

g) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi người nước ngoài hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2; các điểm c, d, đ, e và g khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3; các điểm a và b khoản 4 hoặc tái phạm hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a và b khoản 3; các điểm c, d, đ, e và g khoản 5 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận thuyết minh viên từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3; điểm a khoản 4 Điều này;

d) Tịch thu tang vật sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, đ và e khoản 3; điểm b khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, g khoản 5 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về kinh doanh ô tô vận chuyển khách du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/xe đối với hành vi sử dụng xe ô tô dưới 09 chỗ ngồi không đảm bảo nội thất, tiện nghi, trang thiết bị theo quy định để vận chuyển khách du lịch.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/xe đối với hành vi sử dụng xe ô tô từ 09 chỗ ngồi đến dưới 24 chỗ ngồi không đảm bảo nội thất, tiện nghi, trang thiết bị theo quy định để vận chuyển khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/xe đối với hành vi sử dụng xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên không đảm bảo nội thất, tiện nghi, trang thiết bị theo quy định đối với xe ô tô vận chuyển khách du lịch.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/xe đối với hành vi sử dụng xe ô tô chuyên dụng (caravan) hoặc ô tô hai tầng không đảm bảo nội thất, tiện nghi trang thiết bị theo quy định đối với xe ô tô vận chuyển khách du lịch.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tự ý thay đổi lịch trình vận chuyển mà không được sự đồng ý của khách du lịch;

b) Không gắn biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng lái xe ô tô vận chuyển khách du lịch không có giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch;

d) Sử dụng nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận chuyển khách du lịch không có giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch.

6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật;

b) Không làm thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Không mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch giả để hoạt động kinh doanh;

b) Mạo nhận xe ô tô vận chuyển khách du lịch.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch giả dối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ nội thất, tiện nghi, trang thiết bị của xe ô tô vận chuyển khách du lịch để bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc gắn biển hiệu xe ô tô đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

c) Buộc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam

Hành vi vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam thì áp dụng theo các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 14 Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại để xử phạt.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH LƯU TRÚ DU LỊCH

Điều 10. Vi phạm quy định về kinh doanh lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đặt cơ sở lưu trú du lịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cơ sở lưu trú du lịch chính thức đi vào hoạt động;

b) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đứng đầu cơ sở lưu trú du lịch, thay đổi tên cơ sở lưu trú du lịch cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

c) Không thông báo bằng văn bản khi áp dụng mức phụ thu cước viễn thông trong cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thực hiện.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về mẫu biển tên, hạng cơ sở lưu trú du lịch;

b) Không gắn biển hạng cơ sở lưu trú du lịch sau khi đã được Tổng cục Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng;

c) Không ban hành, niêm yết nội quy, quy chế của cơ sở lưu trú du lịch;

d) Không thông tin rõ ràng, công khai về số lượng, chất lượng và niêm yết giá cả các dịch vụ, hàng hoá cho khách du lịch;

đ) Không treo quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch tại vị trí dễ thấy tại quây lễ tân.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về hoạt động kinh doanh của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật;

b) Không đủ số lượng, diện tích buồng ngủ theo tiêu chuẩn tương ứng với từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Không đảm bảo tiêu chuẩn về nơi để xe và giao thông nội bộ, khu vực sảnh đón tiếp theo quy định của pháp luật;

d) Không đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn nhà hàng, bar theo quy định của pháp luật;

đ) Không đảm bảo tiêu chuẩn khu vực bếp theo quy định của pháp luật;

e) Không đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn phòng hội nghị, hội thảo, phòng họp theo quy định của pháp luật;

g) Không đảm bảo tiêu chuẩn trang thiết bị, tiện nghi khác theo quy định của pháp luật;

h) Không đảm bảo tiêu chuẩn về dịch vụ theo quy định của pháp luật;

i) Không đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ của người quản lý và nhân viên phục vụ theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng phương tiện, trang thiết bị không bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Không bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất, dịch vụ, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của người quản lý, nhân viên phục vụ tương ứng với tiêu chuẩn xếp hạng theo yêu cầu của cơ quan quản lý về du lịch.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không đăng ký với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch sau ba tháng, kể từ khi cơ sở lưu trú du lịch chính thức hoạt động kinh doanh;

b) Không đăng ký với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định, công nhận lại hạng cơ sở lưu trú du lịch trước ba tháng, kể từ khi hết hạn công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch;

c) Sử dụng hình ảnh ngôi sao gắn tại cơ sở lưu trú du lịch hoặc trên các ấn phẩm, biển quảng cáo, biển hiệu, đồ dùng, trang thiết bị sử dụng tại cơ sở lưu trú du lịch khi chưa được công nhận hạng hoặc không đúng với hạng cơ sở lưu trú đã được công nhận.

6. Phạt tiền 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng tên cơ sở lưu trú du lịch, tên giao dịch, tên viết tắt không đúng với tên của cơ sở lưu trú du lịch đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động kinh doanh;

b) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch;

c) Thu phí dịch vụ không đúng quy định.

7. Phạt tiền 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch sau khi đã thông báo tạm ngừng, chấm dứt hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.

8. Các quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này cũng được áp dụng đối với nhà khách, nhà nghỉ của bộ, ngành, địa phương có hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất, dịch vụ, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của người quản lý, nhân viên phục vụ tương ứng với tiêu chuẩn từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 3; điểm c khoản 4 Điều này;

b) Buộc bổ sung đủ phương tiện, trang thiết bị đảm bảo sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 6 Điều này;

d) Buộc dỡ bỏ huy hiệu, biển quảng cáo, biển hiệu, đồ dùng, trang thiết bị đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 5 Điều này;

đ) Buộc gắn biển hạng cơ sở lưu trú du lịch đúng với quyết định xếp hạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong cơ sở lưu trú du lịch

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÚC TIẾN DU LỊCH

Điều 12. Vi phạm quy định về hoạt động xúc tiến du lịch

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Nội dung sản phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch không phù hợp với cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia đã được công bố;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chương trình khuyến mại du lịch đã thông tin, quảng bá;

c) Quảng bá sản phẩm du lịch không đúng với nội dung và chất lượng thực tế;

d) Sử dụng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch không có hoặc không đúng tiêu đề, biểu tượng chung do Tổng cục Du lịch quy định.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động xúc tiến du lịch làm phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ, tiêu hủy các vật phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch, chấm dứt các chương trình quảng bá đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH KHÁC

Điều 13. Vi phạm quy định về tài nguyên du lịch, quy hoạch phát triển du lịch

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài nguyên du lịch trái quy định của pháp luật trong khu du lịch, điểm du lịch hoặc trong khu vực đã được quy hoạch phát triển du lịch.

Điều 14. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không niêm yết nội quy bảo vệ môi trường theo quy định tại nơi dễ quan sát trong cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có công trình vệ sinh công cộng đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường trong cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch theo quy định;

b) Không tiến hành phân loại rác thải theo quy định trong cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch;

c) Không bố trí cán bộ theo dõi, quản lý công tác bảo vệ môi trường du lịch tương ứng với từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không tiến hành thu gom, xử lý rác thải theo quy định trong cơ sở lưu trú du lịch và khu du lịch, điểm du lịch và phương tiện vận chuyển khách du lịch theo quy định;

b) Xâm hại đến môi trường sống của các loài động vật hoang dã nơi có tài nguyên du lịch;

c) Chặt phá, bẻ cành hoặc có hành vi khác làm thiệt hại cây xanh, thảm thực vật nơi có tài nguyên du lịch.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không báo cáo định kỳ hàng năm về công tác bảo vệ môi trường du lịch theo quy định của pháp luật;

b) Không bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định tại cơ sở lưu trú du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch, trong khu du lịch, điểm du lịch.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm tại các điểm a và b khoản 2; điểm a khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này gây ra.

Điều 15. Vi phạm quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh trong khu du lịch, điểm du lịch

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1. Không ban hành nội quy, quy chế quản lý khu du lịch, điểm du lịch;

2. Ban hành nội quy, quy chế của khu du lịch, điểm du lịch trái với quy định pháp luật;

3. Vi phạm quy chế của khu du lịch, điểm du lịch.

Điều 16. Xử phạt đối với hành vi cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc kê khai hoặc kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của người thi hành công vụ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cản trở công tác của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc người được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra;

d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Trì hoãn, trốn tránh không thi hành các quyết định hành chính, quyết định thanh tra, kiểm tra của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

b) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hoặc tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính;

c) Tẩu tán, làm thay đổi, đánh tráo tang vật đang bị kiểm tra, thanh tra hoặc tạm giữ;

d) Hành hung người đang thi hành công vụ.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thi hành quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; các điểm a và b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.

Chương III **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 17. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008, Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã được sửa đổi tại Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2007 đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thanh tra viên Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có trị giá đến 2.000.000 đồng;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 3 Điều 3 Nghị định này;
- đ) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này;
- e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa của lĩnh vực du lịch;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này;
- e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển

Cơ quan Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Điều 37 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra ngành khác

Trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được Chính phủ quy định, Thanh tra viên và Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra ngành khác có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành mình.

Điều 21. Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính

Ban hành kèm theo Nghị định này các mẫu biên bản và quyết định để sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2012.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 149/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.


Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).q. *290*

TM. CHÍNH PHỦ



Nguyễn Tấn Dũng

**Phụ lục**
MỘT SỐ MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2012/NĐ-CP
ngày 12 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ)

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
3. Mẫu biên bản số 03: Biên bản niêm phong/mở niêm phong tang vật tạm giữ.
4. Mẫu biên bản số 04: Biên bản bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
5. Mẫu biên bản số 05: Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra.
6. Mẫu quyết định số 01: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
7. Mẫu quyết định số 02: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
8. Mẫu quyết định số 03: Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch bị tạm giữ.
9. Mẫu quyết định số 04: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
10. Mẫu quyết định số 05: Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.
11. Mẫu quyết định số 06: Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.
12. Mẫu quyết định số 07: Quyết định chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch cho cơ quan tiến hành tố tụng.
13. Mẫu quyết định số 08: Quyết định áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung do vi phạm hành chính gây ra.

Mẫu biên bản số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

²....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

Hôm nay, hồi.....giờ...ngày...tháng.....năm.....tại.....

Chúng tôi gồm³:

- Đại diện bên lập biên bản:

1.....Chức vụ:.....

2.....Chức vụ

- Tổ chức cá nhân vi phạm:

1.....Nghề nghiệp/chức vụ

2.....Nghề nghiệp/chức vụ

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đối với hành vi vi phạm sau⁴:

.....

..... quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày.....của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

.....

- Địa điểm vi phạm:.....

- Tình tiết giảm nhẹ:.....

¹ Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì liệt kê cụ thể từng hành vi.

- Tình tiết tăng nặng:.....

- Căn cứ Điều 57 khoản 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH 10 ngày 02 tháng 7 năm 2002, đã tạm giữ những giấy tờ sau:.....

Có sự chứng kiến của ông, bà (nếu có):

Ngoài những giấy tờ tạm giữ trên, chúng tôi không thu giữ thứ gì khác.

Yêu cầu tổ chức (cá nhân) vi phạm tới làm việc với Đoàn kiểm tra vào
hỏi.....giờ.....ngày.....tại.....
..... để giải quyết.

- Lời khai của đại diện tổ chức vi phạm (hoặc người vi phạm):.....

Việc lập biên bản kết thúc hỏi.....giờ.....cùng ngày.

Biên bản được lập thành bản, mỗi bản gồm.....trang, có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản và

Sau khi đọc lại biên bản (đã đưa cho mỗi người tự đọc), cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào từng trang hoặc có ý kiến khác như sau:

! Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁶:.....

ĐẠI DIỆN BÊN VI PHẠM

**NGƯỜI LÀM CHỨNG
(NẾU CÓ)**

ĐẠI DIỆN BÊN LẬP BIÊN BẢN

⁵ Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

⁶ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

²....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

Căn cứ Điều 45, 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều.....Nghị định số..... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực.....;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số.....ngày.....tháng.....năm.....do³.....chức vụ.....ký;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:.....

.....

Chúng tôi những người lập biên bản gồm⁴:

1.....Chức vụ:.....

2.....Chức vụ:.....

Người vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức⁵:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

¹ Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁴ Họ và tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày Tại:.....

Với sự chứng kiến của⁶ (nếu có):

1.....Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp.....
Nơi cấp:.....

2..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp.....
Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

TT	Tên tang vật, phương tiện, bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁷	Ghi chú ⁸

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành.....bản có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Biên bản này gồm.....trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản (đưa cho mỗi người tự đọc), những người có mặt cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào từng trang hoặc có ý kiến khác như sau:

⁶ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

⁷ Nếu là phương tiện thì ghi thêm số đăng ký.

⁸ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện của tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁹:.....

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(NẾU CÓ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(NẾU CÓ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁹ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
 TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

²....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Niêm phong/mở niêm phong tang vật tạm giữ

Hôm nay, hồi.....giờ...ngày.....tháng.....năm.....tại:.....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện bên lập biên bản³:

1.Chức vụ:.....

2.Chức vụ:.....

- Đại diện tổ chức/cá nhân là chủ sở hữu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND hoặc Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

- Với sự chứng kiến (nếu có):

Ông (bà):.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong số tang vật, phương tiện tạm giữ theo Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của⁴.....

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Chức vụ:.....

Số tang vật niêm phong (mở niêm phong) gồm:.....

Số tang vật trên đã giao cho ông (bà).....thuộc
đơn vị.....chịu trách nhiệm coi giữ và bảo quản.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau. Đã
giao cho chủ sở hữu tang vật, phương tiện 01 bản; người bảo quản 01 bản và
01 bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản (đưa cho mỗi người tự đọc) những người có mặt
cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁵:.....

**CHỦ SỞ HỮU (SỬ DỤNG)
TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN
VI PHẠM HÀNH CHÍNH**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI NIÊM PHONG/
MỞ NIÊM PHONG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN (NẾU CÓ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BẢO QUẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

²....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

Hôm nay, vào hồi...giờ...ngày...tháng...năm.....tại:.....

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao tang vật, phương tiện vi phạm³:

- Ông (bà):.....Chức danh:.....

- Thuộc đơn vị:.....

Đại diện bên nhận tang vật, phương tiện vi phạm⁴:

- Ông (bà):.....Quốc tịch:.....

- Nghề nghiệp:.....

- Số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

- Địa chỉ:.....

Tiến hành lập biên bản bàn giao hoặc trả lại các tang vật, phương tiện vi phạm gồm:

TT	Tên giấy tờ, tang vật, phương tiện	ĐV tính	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Cộng khoản.

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện bên giao.

⁴ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người nhận; nếu bên nhận là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Các ý kiến của bên nhận:.....

Hai bên đã giao nhận đầy đủ tang vật, phương tiện vi phạm nói trên.
Việc giao nhận kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, những người ký tên dưới đây đã được nghe đọc lại và nhất trí với toàn bộ nội dung biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁵:.....

Biên bản này gồm.....trang, được Đại diện bên nhận và Đại diện bên giao ký xác nhận vào từng trang.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

²....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..., tại³.....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện⁴.....:

- Ông (bà):.....Chức vụ:.....

- Ông (bà):.....Chức vụ:.....

2. Đại diện cơ quan điều tra⁵.....:

- Ông (bà):.....Chức vụ:.....

- Ông (bà):.....Chức vụ:.....

Đã tiến hành giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ gồm.....trang, gồm các tài liệu sau:.....

.....⁵

Việc giao nhận hoàn thành hồi.....giờ.....ngày.....

Biên bản giao, nhận hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Địa điểm giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

⁴ Ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện bên giao.

⁵ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người nhận; nếu bên nhận là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Mẫu quyết định số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPHC

²....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số.....quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do³.....lập hồi.....giờ
.....ngày.....tháng.....năm.....tại:.....;

Tôi⁴:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁵:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:.....Tại:.....

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính⁶:.....

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của Nghị định số.....
ngàytháng.....năm.....của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực.....

¹ Nếu quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh ..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁶ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Phạt tiền:.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày.....tháng.....năm.....trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc⁷.....

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức.....có tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt theo quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số.....của Kho bạc Nhà nước⁸.....trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt, gửi một liên giấy nộp tiền phạt cho.....⁹ và nhận lại.....¹⁰

Ông (bà)/tổ chức.....có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....¹¹

Trong thời hạn ba ngày Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để chấp hành.
2. Kho bạc để thu tiền phạt.
- 3.....

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Ghi rõ lý do.

⁸ Ghi rõ tên, địa chỉ kho bạc.

⁹ Cơ quan ra Quyết định xử phạt.

¹⁰ Giấy tờ tạm giữ theo Biên bản vi phạm hành chính.

¹¹ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

Mẫu quyết định số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-TGTVPT

², ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều.....Nghị định số...../NĐ-CP ngày.....quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC do.....
..... lập ngày.....tháng.....năm.....

Xét³

Tôi⁴:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức⁵:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

¹ Nếu quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.....mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Cấp ngày:..... Tại:.....

Tang vật, phương tiện bị tạm giữ gồm (tên, số lượng, chủng loại):.....

Có biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính kèm theo.

Điều 2. Tang vật, phương tiện nêu trên được tạm giữ tại⁶:.....

Điều 3. Thời hạn tạm giữ là.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 4. Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....nămvà được lập thành.....bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản giao cho người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, 01 bản giao cho người có trách nhiệm bảo quản, 01 bản lưu hồ sơ cơ quan xử lý vi phạm hành chính, 01 bản gửi⁷...../.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý KIẾN THỦ TRƯỞNG CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ

⁶ Ghi địa chỉ nơi tạm giữ tang vật, phương tiện.

⁷ Trường hợp người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008, thì quyết định này được gửi để báo cáo thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ.

Mẫu quyết định số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-TLTVPT

²....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực du lịch bị tạm giữ**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều.....Nghị định số...../ND-CP ngày.....quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC do.....
..... lập ngày.....tháng.....năm.....

Xét thấy không cần thiết phải áp dụng Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số:.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

Tôi³:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại ông (bà)/Tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo Biên bản số:.....ngày.....
tháng năm bao gồm⁴:.....

Điều 2. Các ông (bà):.....có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Nếu quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.....mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁴ Ghi rõ tang vật, phương tiện trả lại.

Mẫu quyết định số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-TTTVPT

²....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định số...../NĐ-CP ngày quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC do:.....
.....lập ngày.....tháng.....năm.....

Xét³:.....

Tôi⁴:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tịch thu của ông (bà)/Tổ chức:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đã tạm giữ theo Biên bản ngày.....tháng.....năm.....bao gồm⁵:

¹ Nếu quyết định tịch thu tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.....mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁵ Ghi rõ tang vật, phương tiện bị tịch thu.

Điều 2. Trình tự, thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các ông (bà)..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu quyết định số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/QĐ-CC

², ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh
vực du lịch số.....ngày.....tháng.....nămcủa

Tôi³:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định xử phạt vi
phạm hành chính số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....trong
lĩnh vực du lịch đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁴:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

Biện pháp cưỡng chế⁵:.....

Lý do cưỡng chế:.....

¹ Nếu quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên người ra quyết định cưỡng chế.

⁴ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁵ Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế hoặc các biện pháp khắc phục phải thực hiện.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này và chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức.....để thực hiện

2.....để.....⁶

3.....để.....⁷

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

⁷ Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

Mẫu quyết định số 06

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/QĐ-KPHQ

²....., ngày..... tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra**

Căn cứ Điều³.....Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều⁴.....Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Tôi⁵:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁶:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

¹ Nếu quyết định khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh ..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Nếu quyết định khắc phục hậu quả trong trường hợp hết thời hiệu thì căn cứ vào Điều 10, nếu trong trường hợp hết thời hạn ra quyết định xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

⁴ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

⁵ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁶ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính⁷:.....

Quy định tại điểm..... khoản.....Điều..... của⁸

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Hậu quả cần khắc phục là:.....

Biện pháp để khắc phục hậu quả là:.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày.....tháng.....năm.....trừ trường hợp.....⁹
Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức.....cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm¹⁰

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức.....để chấp hành.

2.....

3.....

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁸ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁹ Ghi rõ lý do.

¹⁰ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.

Mẫu quyết định số 07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHS

²....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính
trong lĩnh vực du lịch cho cơ quan tiến hành tố tụng

Căn cứ Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC ngày.....
thángnăm.....;
Xét thấy hành vi vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm được quy
định tại Điều..... Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Tôi:.....Chức vụ:.....
Đơn vị công tác:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch cho cơ
quan tiến hành tố tụng hình sự:.....³ để xem xét, giải quyết.
Hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm gồm.....⁴
.....(có biên bản bàn giao kèm theo).

Điều 2. Giao cho ông (bà):.....
Chức vụ:.....
Đơn vị công tác:.....

Có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu và tang vật phương tiện
vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà)
có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ;
- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

⁴ Ghi rõ các hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm. Hoặc ghi: “Như biên bản bàn giao kèm theo”.

Mẫu quyết định số 08

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPBS

²....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung do vi phạm hành chính gây ra**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số.....quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do³.....lập hồi.....giờ
.....ngày.....tháng..... năm..... tại.....;

Tôi⁴:.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung do vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁵:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính⁶:.....

¹ Nếu quyết định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện, thành phố thuộc tỉnh ..., xã ... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁶ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của.....⁷

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Hình thức xử phạt bổ sung là:

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:.....
2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính gồm:.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày.....tháng.....năm.....trừ trường hợp.....⁸ Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức.....có tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....⁹

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chứcđể chấp hành.
- 2.....
- 3.....

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁸ Ghi rõ lý do.

⁹ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.